

## **Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long**

Các Báo cáo Tài chính Hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Số tham chiếu: 21206/21007

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long và của công ty con (“Ngân hàng”) lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (“các báo cáo tài chính hợp nhất”) như được trình bày từ trang 2 đến trang 50. Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở Ý kiến Kiểm toán*

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### *Ý kiến Kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính Việt Nam.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
Michael Yu Lam  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0629/KTV



Võ Xuân Minh  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2008

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>		
<b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>227.510</b>	<b>115.918</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)</b>	<b>402.160</b>	<b>261.926</b>
<b>Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác</b>	<b>4.678.099</b>	<b>3.535.194</b>
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	558.984	413.256
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	4.119.115	3.121.938
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>550.601</b>	<b>-</b>
Chứng khoán kinh doanh	557.615	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(7.014)	-
<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>13.756.662</b>	<b>9.976.585</b>
Cho vay khách hàng	13.924.999	10.113.433
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(168.337)	(136.848)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>7.148.641</b>	<b>4.302.163</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	6.947.418	4.101.187
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	201.223	200.976
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	-
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>36.000</b>
Đầu tư vào công ty con	-	36.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>232.397</b>	<b>171.969</b>
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>128.178</i>	<i>97.977</i>
Nguyên giá tài sản cố định	239.576	190.900
Hao mòn tài sản cố định	(111.398)	(92.923)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>104.219</i>	<i>73.992</i>
Nguyên giá tài sản cố định	109.449	75.904
Hao mòn tài sản cố định	(5.230)	(1.912)
<b>Tài sản có khác</b>	<b>535.482</b>	<b>334.542</b>
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>27.531.552</b>	<b>18.734.297</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**tại ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
<b>Các khoản nợ Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>447.494</b>	<b>941.965</b>
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>8.170.080</b>	<b>7.299.442</b>
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	53.593	121.459
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	7.916.403	7.177.562
Vay của các TCTD khác	200.000	-
Vay khác	84	421
<b>Tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng</b>	<b>9.939.911</b>	<b>5.005.864</b>
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>6.022.464</b>	<b>3.380.989</b>
<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro</b>	<b>998.919</b>	<b>725.342</b>
<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>857.193</b>	<b>451.668</b>
Lãi dự chi	468.111	328.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả	18.690	6.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.606	-
Nguồn thu sử dụng vốn giữ lại	38.637	38.678
Các khoản phải trả và công nợ khác	326.223	78.107
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	926	231
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>26.436.061</b>	<b>17.805.270</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>Vốn và các quỹ</b>		
Vốn điều lệ	810.191	774.200
Vốn khác	-	29.391
Các quỹ dự trữ	243.719	124.598
Lợi nhuận để lại	15.287	838
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.069.197</b>	<b>929.027</b>
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>26.294</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>27.531.552</b>	<b>18.734.297</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>		
Bảo lãnh tài chính	66.166	42.926
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	75.969	18.810
Cam kết khác	151	-

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	<i>2007</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2006</i> <i>triệu đồng</i>
<b>THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.017.171	1.495.123
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	<u>(1.423.313)</u>	<u>(1.066.381)</u>
<b>THU NHẬP LÃI THUẦN</b>	593.858	428.742
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	19.578	7.073
Chi phí hoạt động dịch vụ	<u>(9.552)</u>	<u>(4.780)</u>
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	10.026	2.293
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	17.411	1.910
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	7.875	-
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	10.313	-
Lãi thuần từ hoạt động khác	<u>6.338</u>	<u>3.512</u>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	645.821	436.457
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		
Chi phí tiền lương	(239.764)	(146.450)
Chi phí khấu hao	(24.029)	(24.947)
Chi phí hoạt động khác	<u>(153.280)</u>	<u>(111.651)</u>
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<u>(417.073)</u>	<u>(283.048)</u>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>228.748</b>	<b>153.409</b>
Chi phí dự phòng cho vay khách hàng	<u>(33.923)</u>	<u>(50.503)</u>
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>194.825</b>	<b>102.906</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(49.900)	(28.814)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>(4.606)</u>	<u>-</u>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>140.319</b>	<b>74.092</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>(2.294)</u>	<u>-</u>
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b><u>138.025</u></b>	<b><u>74.092</u></b>

**BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM	838	-
Lợi nhuận thuần trong năm	<u>138.025</u>	<u>74.092</u>
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI	138.863	74.092
Trừ:		
Tạm trích các quỹ trong năm	<u>(123.576)</u>	<u>(73.254)</u>
<b>LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM</b>	<b><u>15.287</u></b>	<b><u>838</u></b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	2007 triệu đồng	2006 triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
Thu nhập lãi và phí dịch vụ	1.957.974	1.258.950
Chi lãi và phí dịch vụ	(1.292.991)	(972.291)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	17.411	1.910
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh và đầu tư	22.859	115.928
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, xoá	1.041	-
Thu nhập (lỗ) thuần từ hoạt động khác	(146.953)	(5.915)
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(183.929)	(226.269)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(37.624)	(29.521)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ</b>	<b>337.788</b>	<b>142.792</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		
(Tăng) giảm các khoản tiền gửi CKH và cho vay các TCTD khác	(835.667)	347.005
(Tăng) giảm các khoản về chứng khoán kinh doanh và đầu tư	(3.226.800)	(2.599.087)
(Tăng) giảm các khoản cho vay khách hàng	(3.811.566)	(1.676.460)
Giảm dư nợ cho vay khách hàng do xử lý bằng nguồn dự phòng trong năm	(2.945)	(6.263)
(Tăng) giảm tài sản có khác	(151.427)	(18.253)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>		
Tăng (giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(494.471)	584.808
Tăng (giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD	870.638	1.210.938
Tăng (giảm) tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	7.575.492	2.584.431
Tăng (giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	273.577	(266.784)
Tăng (giảm) nguồn thu sử dụng vốn giữ lại	(41)	(110)
Tăng (giảm) các khoản nợ khác	156.253	23.356
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>690.831</b>	<b>326.373</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	<i>2007</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2006</i> <i>triệu đồng</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Mua sắm tài sản cố định	(91.347)	(46.577)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	126	23
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(41.095)	(36.000)
Tiền thu cổ tức nhận được trong kỳ	335	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(131.981)</b>	<b>(82.554)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Tăng vốn điều lệ từ thu lãi Trái phiếu Chính phủ đặc biệt	6.600	6.600
Sử dụng các quỹ dự trữ	(4.455)	(1.776)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>2.145</b>	<b>4.824</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>560.995</b>	<b>248.643</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3.221.856</b>	<b>559.167</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3.782.851</b>	<b>807.810</b>
Loại trừ tiền gửi thanh toán của KBNN và các TCTD khác, tiền gửi và vay của các TCTD khác đến hạn trong vòng 1 tháng; và cộng thêm tiền gửi CKH và cho vay của các TCTD khác đến hạn trong vòng 3 tháng trong khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	-	2.414.046
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm, trình bày lại</b>	<b>3.782.851</b>	<b>3.221.856</b>

# THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

### 1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (sau đây gọi tắt là “MHB” hoặc “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại nhà nước được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

#### **Thành lập và Hoạt động**

Ngân hàng được thành lập ngày 18 tháng 9 năm 1997 theo Quyết định số 769/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngân hàng được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh theo Quyết định số 408/1997/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là “NHNN”) ngày 18 tháng 12 năm 1997 với thời hạn hoạt động là 99 năm, kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1997.

Hoạt động chủ yếu của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài chính thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ trung gian môi giới, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

#### **Vốn Điều lệ**

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng do Chính phủ cấp là 500.000 triệu đồng. Vốn điều lệ của Ngân hàng được Chính phủ cấp bổ sung theo từng thời kỳ. Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 là 780.800 triệu đồng (năm 2006: 774.200 triệu đồng).

#### **Địa điểm và Hệ thống Ngân hàng**

Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long có trụ sở chính đặt tại số 9 Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở Giao dịch, một (1) Văn phòng Đại diện ở Hà Nội, một (1) Trung tâm Thẻ, một (1) Ban Quản lý Dự án, ba mươi hai (32) chi nhánh cấp I đang hoạt động ở khắp các tỉnh và thành phố lớn trên cả nước và một (1) công ty con.

#### **Công ty Con**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng có một công ty con, chi tiết như sau:

Tên công ty	Các quyết định thành lập và giấy phép hoạt động kinh doanh	Lĩnh vực kinh doanh	% Vốn chủ sở hữu của NH
Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (“MHBS”)	Giấy phép hoạt động kinh doanh số 4103005787 do Phòng Kế hoạch – Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006 và Quyết định số 45/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt ngày 28 tháng 12 năm 2006.	Chứng khoán, thị trường vốn	60%



## **THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)** Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

### **2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **2.1. Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005; Quyết định số 16/2007QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; hệ thống các văn bản hướng dẫn có liên quan và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

#### **2.2. Năm tài chính**

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền mặt bằng VNĐ	196.757	94.164
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ	30.695	20.841
Kim loại quý, đá quý khác	58	913
	<b>227.510</b>	<b>115.918</b>

### **4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước bằng VNĐ	379.440	249.058
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ	22.720	12.868
	<b>402.160</b>	<b>261.926</b>

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

### **5. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	558.984	413.256
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	4.119.115	3.121.938
	<b>4.678.099</b>	<b>3.535.194</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
<i>Chứng khoán Nợ</i>		
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	10.860	-
<i>Chứng khoán Vốn</i>		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	79.427	-
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	117.328	-
<i>Tài sản ủy thác của Ngân hàng</i>	350.000	
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	(7.014)	-
	<b>550.601</b>	<b>-</b>

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
<i>Chứng khoán Nợ</i>		
Chưa niêm yết	10.860	-
<i>Chứng khoán Vốn</i>		
Đã niêm yết	69.392	-
Chưa niêm yết	120.349	-
<i>Tài sản ủy thác của Ngân hàng</i>	350.000	-
	<b>550.601</b>	<b>-</b>

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá mua vào ngày mua. Vào ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị của các chứng khoán này được đánh giá lại dựa trên giá trị thị trường. Phần giá trị tổn thất (nếu có) của các chứng khoán này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**7. CHO VAY KHÁCH HÀNG**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Cho vay thương mại	<u>13.924.999</u>	<u>10.113.433</u>

**7.1. Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian gốc của khoản vay**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	8.998.372	5.460.991
Nợ trung hạn	4.013.737	3.692.685
Nợ dài hạn	912.890	959.757
	<u>13.924.999</u>	<u>10.113.433</u>

**7.2. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp**

	31/12/2007		31/12/2006	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Doanh nghiệp nhà nước	656.134	4,72	493.122	4,88
Doanh nghiệp tư nhân	2.235.280	16,05	1.545.971	15,29
Hộ kinh doanh cá thể	10.305.715	74,01	7.710.907	76,24
Hợp tác xã	11.333	0,08	3.975	0,04
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	31.179	0,22	49.676	0,49
Các loại hình doanh nghiệp khác	685.358	4,92	309.782	3,06
	<u>13.924.999</u>	<u>100</u>	<u>10.113.433</u>	<u>100</u>

**7.3. Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế**

	31/12/2007		31/12/ 2006	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Xây dựng	4.058.814	29,15	2.912.824	28,80
Thương nghiệp	4.432.922	31,83	3.107.159	30,72
Nông lâm ngư nghiệp	2.147.701	15,42	1.254.371	12,40
Sản xuất và chế biến	519.423	3,73	463.464	4,59
Vận tải, kho bãi	480.098	3,45	433.519	4,29
Ngành khác	2.286.041	16,42	1.942.096	19,20
	<u>13.924.999</u>	<u>100</u>	<u>10.113.433</u>	<u>100</u>

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

### 8. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Thay đổi quỹ dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể của các khoản cho vay khách hàng triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung của các khoản cho vay khách hàng triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	108.969	27.879	136.848
Số tiền đã trích trong năm	81.138	39.023	120.161
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(32.234)	(54.004)	(86.238)
Xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11	-	-	-
Các khoản mục khác	<u>440</u>	<u>(28)</u>	<u>412</u>
Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2007	158.313	12.870	171.183
Xử lý rủi ro trong tháng 12	(2.945)	-	(2.945)
Các khoản mục khác	<u>99</u>	<u>-</u>	<u>99</u>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	<b><u>155.467</u></b>	<b><u>12.870</u></b>	<b><u>168.337</u></b>

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng Ngân hàng đã trích lập theo theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN như sau:

	<i>Dư nợ cho vay triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng số dự phòng triệu đồng</i>
<i>Phân loại nợ của các khách hàng doanh nghiệp</i>				
Nợ đủ tiêu chuẩn	3.033.156	-	11.770	11.770
Nợ cần chú ý	162.172	3.310	730	4.040
Nợ dưới tiêu chuẩn	45.955	6.178	207	6.385
Nợ nghi ngờ	36.130	9.585	163	9.748
Nợ có khả năng mất vốn	<u>73.773</u>	<u>39.335</u>	<u>-</u>	<u>39.335</u>
	3.351.186	58.408	12.870	71.278
<i>Dư nợ cho vay của các khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh</i>				
	<u>9.631.749</u>	<u>99.905</u>	<u>-</u>	<u>99.905</u>
	12.982.935	158.313	12.870	171.183
<i>Cam kết ngoại bảng phải tính dự phòng chung</i>				
Nợ đủ tiêu chuẩn	<u>205.899</u>	<u>-</u>	<u>926</u>	<u>926</u>
	<b><u>13.188.834</u></b>	<b><u>158.313</u></b>	<b><u>13.796</u></b>	<b><u>172.109</u></b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**8. THAY ĐỔI TĂNG (GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)**

Tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện lộ trình trích lập dự phòng rủi ro tín dụng so với yêu cầu của Quyết định 493 như sau:

<i>Dự phòng rủi ro tín dụng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng triệu đồng</i>	<i>Tổng số dự phòng triệu đồng</i>
Mức tối đa theo Quyết định 493	158.313	95.679	1.544	255.536
Số thực tế Ngân hàng đã hạch toán	158.313	12.870	926	172.109
Chênh lệch	<u>-</u>	<u>82.809</u>	<u>618</u>	<u>83.427</u>

Ngân hàng đã thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng cụ thể trong năm 2007 cho danh mục tín dụng. Phần dự phòng chưa trích đủ là của dự phòng chung. Tuy nhiên, theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, các ngân hàng thương mại được phép trích lập đầy đủ dự phòng chung trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (tháng 5 năm 2005).

**9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ**

	<i>31/12/2007 triệu đồng</i>	<i>31/12/2006 triệu đồng</i>
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>		
<i>Chứng khoán Nợ</i>		
Chứng khoán Chính phủ	6.095.190	3.917.500
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	108.869	100.000
Chứng khoán Nợ do các TCKT khác trong nước phát hành	702.264	-
<i>Chứng khoán Vốn</i>		
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	41.095	83.687
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	-	-
	<u>6.947.418</u>	<u>4.101.187</u>
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Chứng khoán Chính phủ	200.275	200.200
Các loại chứng khoán khác	948	776
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>	-	-
	<u>201.223</u>	<u>200.976</u>
	<u>7.148.641</u>	<u>4.302.163</u>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**10.1. Tài sản cố định hữu hình**

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	<i>Nhà cửa vật kiến trúc triệu đồng</i>	<i>Máy móc thiết bị triệu đồng</i>	<i>Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn triệu đồng</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng số triệu đồng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	75.119	52.900	42.956	19.925	190.900
Tăng trong năm	6.743	50.789	4.332	3.639	65.503
<i>Trong đó:</i>					
<i>Mua sắm mới</i>	19	44.601	2.356	2.524	49.500
<i>Xây dựng mới</i>	6.724	731	-	658	8.113
<i>Khác</i>	-	5.457	1.976	457	7.890
Giảm trong năm	(9.664)	(3.773)	(2.230)	(1.160)	(16.827)
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(1.029)	(533)	(485)	(2.047)
<i>Giảm khác</i>	(9.664)	(2.744)	(1.697)	(675)	(14.780)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	<u>72.198</u>	<u>99.916</u>	<u>45.058</u>	<u>22.404</u>	<u>239.576</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	15.913	37.561	26.782	12.667	92.923
Chi phí khấu hao trong năm	1.102	9.757	6.313	4.563	21.735
Thanh lý	-	(417)	(33)	(197)	(647)
Khác	(191)	(37)	(532)	(1.853)	(2.613)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	<u>16.824</u>	<u>46.864</u>	<u>32.530</u>	<u>15.180</u>	<u>111.398</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	<u>59.206</u>	<u>15.339</u>	<u>16.174</u>	<u>7.258</u>	<u>97.977</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	<u>55.374</u>	<u>53.052</u>	<u>12.528</u>	<u>7.224</u>	<u>128.178</u>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**10.1. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	Nhà cửa vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn triệu đồng	Tài sản cố định hữu hình khác triệu đồng	Tổng số triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	67.395	46.963	42.863	18.301	175.522
Tăng trong năm	9.066	8.795	129	1.996	19.986
Trong đó:					
Mua sắm mới	3.052	6.142	129	1.625	10.948
Xây dựng mới	-	-	-	-	-
Khác	6.014	2.653	-	371	9.038
Giảm trong năm	(1.342)	(2.858)	(36)	(372)	(4.608)
Trong đó:					
Thanh lý, nhượng bán	-	(460)	(36)	(62)	(558)
Giảm khác	(1.342)	(2.398)	-	(310)	(4.050)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	<u>75.119</u>	<u>52.900</u>	<u>42.956</u>	<u>19.925</u>	<u>190.900</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	11.588	26.855	20.663	9.171	68.277
Chi phí khấu hao trong năm	3.984	10.888	6.119	3.471	24.462
Thanh lý	(151)	(182)	-	(34)	(367)
Khác	492	-	-	59	551
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	<u>15.913</u>	<u>37.561</u>	<u>26.782</u>	<u>12.667</u>	<u>92.923</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	<u>55.807</u>	<u>20.108</u>	<u>22.200</u>	<u>9.130</u>	<u>107.245</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	<u>59.206</u>	<u>15.339</u>	<u>16.174</u>	<u>7.258</u>	<u>97.977</u>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**10.2. Tài sản cố định vô hình**

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất triệu đồng</i>	<i>Phần mềm triệu đồng</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng số triệu đồng</i>
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	75.904	-	-	75.904
Tăng trong năm	30.219	608	2.907	33.734
Giảm trong năm	<u>(114)</u>	<u>(50)</u>	<u>(25)</u>	<u>(189)</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	<u>106.009</u>	<u>558</u>	<u>2.882</u>	<u>109.449</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	1.912	-	-	1.912
Tăng trong năm	2.638	524	162	3.324
Trong đó:				
<i>Chi phí khấu hao trong năm</i>	2.109	23	162	2.294
<i>Khác</i>	529	501	-	1.030
Giảm trong năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(6)</u>	<u>(6)</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	<u>4.550</u>	<u>524</u>	<u>156</u>	<u>5.230</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	<u>73.992</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>73.992</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	<u>101.459</u>	<u>34</u>	<u>2.726</u>	<u>104.219</u>



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**10.2. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất triệu đồng</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	77.939
Tăng trong năm	4.116
Thanh lý	(6.151)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	75.904
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	2.879
Chi phí khấu hao trong năm	485
Thanh lý	(1.452)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	1.912
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	75.060
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	73.992

**11. TÀI SẢN CÓ KHÁC**

	<i>31/12/2007 triệu đồng</i>	<i>31/12/2006 triệu đồng</i>
Chi phí XD CB dở dang và mua sắm TSCĐ chưa sử dụng	29.700	25.966
Lãi dự thu	193.276	257.263
Tài sản có khác	312.506	51.313
	<b>535.482</b>	<b>334.542</b>

**12. CÁC KHOẢN NỢ KHO BẠC NHÀ NƯỚC VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

	<i>31/12/2007 triệu đồng</i>	<i>31/12/2006 số trình bày lại triệu đồng</i>
<i>Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước</i>		
Tiền gửi KKH của KBNN bằng VNĐ	12.883	20.149
<i>Các khoản vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>		
Các hợp đồng bán và mua lại (REPO)	434.611	921.816
	<b>447.494</b>	<b>941.965</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**13. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	53.593	121.459
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	7.916.403	7.177.562
Vay từ các TCTD khác	200.000	-
Vay khác	84	421
	<b>8.170.080</b>	<b>7.299.442</b>

**14. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>	1.399.198	939.156
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1.259.338	824.562
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	126.119	95.976
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	10.915	14.025
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.826	4.593
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	8.463.457	4.035.867
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	3.741.579	1.348.975
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	4.340.044	2.510.770
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	173.271	-
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	208.563	176.122
<i>Tiền gửi ký quỹ</i>	54.889	19.520
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	40.600	18.441
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	14.289	1.079
<i>Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VNĐ</i>	23	1
Các khoản phải trả khách hàng khác	22.344	11.320
	<b>9.939.911</b>	<b>5.005.864</b>

**15. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
<i>Kỳ phiếu</i>	2.523.936	1.292.447
Kỳ hạn 03 tháng	90.105	173.451
Kỳ hạn 06 tháng	36.550	144.619
Kỳ hạn 09 tháng	4.168	28.546
Kỳ hạn 364 ngày	2.383.519	930.892
Kỳ phiếu khác dưới 12 tháng	9.594	14.939
<i>Trái phiếu</i>	3.498.528	2.088.542
Kỳ hạn từ 12 đến 24 tháng	1	15
Kỳ hạn từ 24 đến 60 tháng	3.498.527	2.088.527
	<b>6.022.464</b>	<b>3.380.989</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**16. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO**

	31/12/2007 <i>triệu đồng</i>	31/12/2006 <i>triệu đồng</i>
Vốn nhận từ Cơ quan Phát triển Pháp qua Bộ Tài chính	523.618	315.240
Vốn nhận từ Dự án Tài Chính Nông thôn Giai đoạn II	438.177	410.102
Vốn nhận từ Ngân hàng Phát triển Châu Á	624	-
Khoản vay Công ty CP Bất động sản và XD Nhà Mekong	36.500	-
	<b>998.919</b>	<b>725.342</b>

**17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI TRẢ**

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 28% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	2007 <i>triệu đồng</i>	2006 <i>triệu đồng</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	49.900	28.814
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.606	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>54.506</b>	<b>28.814</b>

**18. NGUỒN THU SỬ DỤNG VỐN GIỮ LẠI**

Thu sử dụng vốn được xác định dựa trên nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp cho các doanh nghiệp Nhà nước bao gồm Ngân hàng. Trước năm 2002, các doanh nghiệp nhà nước phải tính thu sử dụng vốn và được coi là một khoản nợ đối với Ngân sách Nhà nước. Theo Thông tư số 07/1999/TT-BTC ngày 25 tháng 1 năm 1999, Ngân hàng được phép giữ lại nguồn thu sử dụng vốn này và một phần dùng để cấp bù phần chênh lệch lãi suất cho vay ưu đãi đối với các hộ gia đình theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính. Tổng cấp bù lãi suất của năm 2007 là 41 triệu đồng (năm 2006: 110 triệu đồng).

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC**

	31/12/2007 <i>triệu đồng</i>	31/12/2006 <i>triệu đồng</i>
Các khoản phải trả cán bộ công nhân viên	105.429	49.594
Lãi nhận trước chờ phân bổ	61.592	25.066
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Công ty Cổ phần chứng khoán MHB	112.637	-
Quỹ trợ cấp mất việc làm	2.336	2.228
Các khoản góp vốn của cổ đông bổ sung vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB chờ chấp thuận của cơ quan chức năng	41.664	-
Các khoản khác	2.565	1.219
	<b><u>326.223</u></b>	<b><u>78.107</u></b>

**20. VỐN VÀ CÁC QUỸ**

**20.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

Tổng vốn của Ngân hàng thể hiện bằng số tiền và tài sản mà Ngân hàng nhận được từ Chính phủ Việt Nam và Bộ Tài chính bằng hình thức tiền mặt, Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt và các tài sản khác do sát nhập với Công ty Vàng bạc Đá quý Việt Nam. Vốn của Ngân hàng cũng được bổ sung từ quỹ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra, lãi nhận được từ Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt cũng được trực tiếp ghi tăng vốn theo Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 4 tháng 11 năm 2002 của Bộ Tài chính.

Tổng vốn thực tế của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và năm 2006 như sau:

	<i>Vốn điều lệ triệu đồng</i>	<i>Vốn khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	767.600	29.391	796.991
Vốn tăng từ thu lãi trái phiếu Chính phủ đặc biệt	<u>6.600</u>	<u>-</u>	<u>6.600</u>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	<b><u>774.200</u></b>	<b><u>29.391</u></b>	<b><u>803.591</u></b>
Vốn tăng từ thu lãi trái phiếu Chính phủ đặc biệt	6.600	-	6.600
Phân loại vốn khác sang vốn điều lệ	<u>29.391</u>	<u>(29.391)</u>	<u>-</u>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	<b><u>810.191</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>810.191</u></b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**20. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)**

**20.2. Các quỹ dự trữ của Ngân hàng**

	<i>Quỹ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển triệu đồng</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng</i>	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	4.819	25.818	5.722	16.761	53.120
Trích lập quỹ dự trữ cho năm 2006	3.663	34.796	6.959	27.836	73.254
Sử dụng trong năm	-	-	-	(1.776)	(1.776)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	<b>8.482</b>	<b>60.614</b>	<b>12.681</b>	<b>42.821</b>	<b>124.598</b>
Trích lập quỹ dự trữ cho năm 2007	6.179	58.698	11.739	46.960	123.576
Sử dụng trong năm	-	-	-	(4.455)	(4.455)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	<b>14.661</b>	<b>119.312</b>	<b>24.420</b>	<b>85.326</b>	<b>243.719</b>

**21. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ**

	<i>2007 triệu đồng</i>	<i>2006 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	1.444.491	1.122.360
Thu nhập lãi tiền gửi	186.697	138.409
Thu nhập lãi từ chứng khoán đầu tư	377.561	225.757
Thu nhập lãi từ hoạt động khác	8.422	8.597
	<b>2.017.171</b>	<b>1.495.123</b>

**22. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ**

	<i>2007 triệu đồng</i>	<i>2006 triệu đồng</i>
Chi phí lãi tiền gửi khách hàng	1.040.858	563.442
Chi phí lãi tiền vay và tiền gửi của các TCTD	69.732	497.380
Chi phí lãi từ phát hành giấy tờ có giá	312.723	-
Chi phí lãi khác	-	5.559
	<b>1.423.313</b>	<b>1.066.381</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**23. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

	2007 triệu đồng	2006 triệu đồng
Thu phí dịch vụ từ:		
Dịch vụ thanh toán	6.356	4.779
Hoạt động ngân quỹ	138	92
Thu phí dịch vụ khác	13.084	2.202
	<u>19.578</u>	<u>7.073</u>
Chi phí dịch vụ liên quan đến:		
Dịch vụ thanh toán	(3.755)	(1.791)
Hoạt động ngân quỹ	(3.711)	(2.429)
Chi phí dịch vụ khác	(2.086)	(560)
	<u>(9.552)</u>	<u>(4.780)</u>
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	<u><b>10.026</b></u>	<u><b>2.293</b></u>

**24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI**

	2007 triệu đồng	2006 triệu đồng
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</i>		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	21.314	5.618
Thu từ kinh doanh vàng	148	340
<i>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</i>		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(4.050)	(4.048)
Chi về kinh doanh vàng	(1)	-
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	<u><b>17.411</b></u>	<u><b>1.910</b></u>

**25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	2007 triệu đồng	2006 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	18.367	-
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(3.478)	-
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(7.014)	-
	<u><b>7.875</b></u>	<u><b>-</b></u>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ**

	2007 <i>triệu đồng</i>	2006 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ thanh lý chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	<b>10.313</b>	-

**27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	2007 <i>triệu đồng</i>	2006 <i>triệu đồng</i>
Chi phí thuế khác và phí	2.076	2.172
Chi công tác phí	7.631	6.338
Chi đào tạo	3.246	2.097
Chi nghiên cứu phát triển	2.540	743
Chi phí thông tin liên lạc	6.832	5.193
Chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, lễ tân, hội nghị	31.987	31.946
Chi phí tài liệu sách báo	16.073	10.768
Chi sửa chữa, bảo dưỡng	5.890	5.167
Chi công cụ lao động và dụng cụ	9.802	6.117
Chi bảo hiểm tài sản của Ngân hàng	496	482
Thuê văn phòng	18.778	14.236
Chi bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	5.574	4.049
Chi phí khác	42.355	22.343
	<b>153.280</b>	<b>111.651</b>

**28. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2007 <i>triệu đồng</i>	31/12/2006 <i>triệu đồng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	227.510	115.918
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	402.160	261.926
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	558.984	413.256
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác đến hạn trong vòng 3 tháng	2.594.197	2.430.756
	<b>3.782.851</b>	<b>3.221.856</b>

**29. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG**

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2007 <i>triệu đồng</i>	31/12/2006 <i>triệu đồng</i>
Bất động sản	22.149.069	27.943.351
Động sản	873.214	1.042.976
Chứng từ có giá	591.072	1.198.107
Tài sản khác	313.310	1.281.873
	<b>23.926.665</b>	<b>31.466.307</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**30. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<i>Dư tại 1 tháng 1</i> <i>năm 2007</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>		<i>Dư tại 31 tháng</i> <i>12 năm 2007</i> <i>triệu đồng</i>
		<i>Số phải nộp</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Số đã nộp</i> <i>triệu đồng</i>	
Thuế GTGT	58	1.227	(1.039)	246
Thuế TNDN hiện hành	6.414	49.900	(37.624)	18.690
Thuế nhà đất		96	(96)	
Thuế thuê đất		308	(308)	
Các loại thuế khác	102	794	(840)	56
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí		984	(984)	
	<b>6.574</b>	<b>53.309</b>	<b>(40.891)</b>	<b>18.992</b>

Tổng số thuế phải nộp của năm trước được chuyển sang năm nay vào cuối năm: Không có  
*Trong đó:* Thuế thu nhập doanh nghiệp: Không có

**31. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản cam kết và công nợ tiềm tàng vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2007	31/12/2006
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Bảo lãnh tài chính	66.166	42.926
Thư tín dụng trả ngay	75.969	18.810
Cam kết khác	151	-
	<b>142.286</b>	<b>61.736</b>

### 32. RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VNĐ và đô la Mỹ có dao động trong biên độ hẹp. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	VND	USD	Các ngoại	Tổng
	<i>triệu đồng</i>	<i>quy đổi</i>	<i>tệ khác</i>	<i>quy đổi</i>
		<i>triệu đồng</i>	<i>quy đổi</i>	<i>triệu đồng</i>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	196.815	29.872	823	227.510
Tiền gửi tại NHNN	379.440	22.720	-	402.160
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	4.034.832	426.323	216.944	4.678.099
Chứng khoán kinh doanh (*)	557.615	-	-	557.615
Cho vay khách hàng (*)	13.674.914	250.085	-	13.924.999
Chứng khoán đầu tư	7.142.332	6.309	-	7.148.641
Tài sản cố định	232.397	-	-	232.397
Các tài sản có khác	530.415	2.684	2.383	535.482
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>26.748.760</b>	<b>737.993</b>	<b>220.150</b>	<b>27.706.903</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**32. RỦI RO TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**

	VND triệu đồng	USD quy đổi triệu đồng	Các ngoại tệ khác quy đổi triệu đồng	Tổng triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản nợ Kho bạc Nhà nước và NHNN	447.494	-	-	447.494
Tiền gửi và vay các TCTD khác	8.018.606	151.474	-	8.170.080
Tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	9.529.313	409.488	1.110	9.939.911
Phát hành giấy tờ có giá	6.011.719	10.745	-	6.022.464
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	996.844	2.075	-	998.919
Các khoản nợ khác	848.401	8.787	5	857.193
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>25.852.377</b>	<b>582.569</b>	<b>1.115</b>	<b>26.436.061</b>
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>1.069.197</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.069.197</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>26.947.868</b>	<b>582.569</b>	<b>1.115</b>	<b>27.531.552</b>
<b>TRẠNG THÁI NGOẠI HỐI</b>	<b>(199.108)</b>	<b>155.424</b>	<b>219.035</b>	<b>175.351</b>

(\*): Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

**33. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2007 triệu đồng	2006 triệu đồng
Các cam kết đối với các thuê hoạt động không thể hủy ngang	<b>44.752</b>	<b>36.968</b>
<i>Trong đó:</i>		
Đến hạn trong 1 năm	14.199	12.826
Đến hạn từ 2 đến 5 năm	28.660	22.297
Đến hạn sau 5 năm	1.893	1.845

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

**34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Vào ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất này không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 có thể ảnh hưởng quan trọng đến tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

**35. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM**

	31/12/2007	31/12/2006
	VNĐ	VNĐ
USD	16.114	16.091
EUR	23.452	21.016
GBP	31.814	31.365
CHF	14.144	13.049
JPY	142	134
SGD	11.005	10.399
CAD	16.245	13.772
AUD	14.004	12.630
THB	487	434
HKD	2.040	2.055
CNY	2.072	-